

TỜ TRÌNH

“V/v thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;
 - Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thống Nhất;
 - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
 - Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 ngày 10/12/2025;
 - Căn cứ Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Thống Nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
 - Căn cứ Báo cáo số 03/BC-HĐQT ngày 10/02/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1/ Thông qua các Báo cáo năm 2025 của Công ty:

Hội đồng Quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua các Báo cáo năm 2025 của Công ty Cổ phần Thống Nhất, bao gồm:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 số 03/BC-HĐQT ngày 10/02/2026;
- Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2025 số 02/BC-HĐQT ngày 20/01/2026;
- Báo cáo thẩm định hoạt động kinh doanh năm 2025 của Ban Kiểm soát;
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (Báo cáo kiểm toán độc lập số 240226.001/BCTC.HCM).

2/ Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025:

- Trích quỹ Đầu tư phát triển : 1.791.229.498 đồng (05% LNST).
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi : 716.491.799 đồng (02% LNST).
- Trích thưởng cho HĐQT & BKS : 716.491.799 đồng (02% LNST).
- Trích thưởng cho Ban Điều hành : 358.245.900 đồng (01% LNST).
- Trả cổ tức năm 2025, tỷ lệ 25% : 20.500.000.000 đồng.
- Lợi nhuận giữ lại : 11.742.130.957 đồng.

3/ Phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2026:

3.1/ Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026:

- Doanh thu thực hiện : 137.196.000.000 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 34.570.000.000 đồng.
- Nộp ngân sách : 7.605.400.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 26.964.600.000 đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức : 25%

3.2/ Dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026:

- Trích quỹ Đầu tư phát triển : Không trích.
- Trích quỹ Khen thưởng Phúc lợi : 03 tháng lương.
- Trích thưởng cho HĐQT & BKS : 02% lợi nhuận sau thuế.
- Trích thưởng cho Ban Điều hành : 01% lợi nhuận sau thuế.
- Trả cổ tức năm 2026 : 25%

4/ Chế độ thù lao của các thành viên HĐQT, thư ký HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty năm 2026, cụ thể như sau:

- Thù lao Chủ tịch HĐQT : 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao Thành viên HĐQT : 8.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao Trưởng BKS : 6.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao Thành viên BKS, Thư ký HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng.
- Chi phí sinh hoạt cho HĐQT, Thư ký HĐQT và BKS: 5.000.000 đồng/người/tháng

(Thuế TNCN đối với các khoản nêu trên do Công ty thanh toán).

5/ Thông qua sửa đổi một số nội dung Điều lệ Công ty:

- Sửa đổi Khoản 3 Điều 2 và Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty Cổ phần Thống Nhất ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16/3/2023 cho phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 ngày 10/12/2025 và theo

quy định tại Khoản 3 Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty đồng thời phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty nên điều chỉnh bổ sung và bỏ các mã ngành nghề kinh doanh, cụ thể như sau:

Nội dung sửa đổi:

| STT | Điều lệ cũ | Điều lệ sửa đổi |
|-----|---|---|
| 1. | - Địa chỉ trụ sở chính: KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. | - Địa chỉ trụ sở chính: Lô A1, Đường 2A, KCN Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. |
| 2. | Mã ngành: 6810 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014: <i>(Trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</i> | Mã ngành: 6810 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023: <i>(Trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</i> |
| 3. | Mã ngành: 4221 Xây dựng công trình điện | Không có |
| 4. | Mã ngành: 3811 Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; không chứa hàng tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm) | Không có |
| 5. | Mã ngành: 3812 Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp | Không có |

| | | |
|----|---|----------|
| | <p>luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; không chứa hàng tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm)</p> | |
| 6. | <p>Mã ngành: 3821</p> <p>Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động và chứa hàng tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại)</p> | Không có |
| 7. | <p>Mã ngành: 3822</p> <p>Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động và chứa hàng tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và phù hợp với quy hoạch của tỉnh tại Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại)</p> | Không có |
| 8. | <p>Mã ngành: 4933</p> <p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)</p> | Không có |

| | | |
|-----|--|----------|
| 9. | <p>Mã ngành: 4661</p> <p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan</p> <p>Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm có liên quan. nhớt; khí đốt và các sản phẩm có liên quan. (đối với xăng dầu, không kinh doanh xăng dầu tại trụ sở, Chỉ hoạt động sau khi có quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (đối với khí dầu mỏ hóa lỏng, Chỉ hoạt động sau khi được được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy hoạch)</p> <p><i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i></p> | Không có |
| 10. | <p>Mã ngành: 4730</p> <p>Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.</p> <p>(đối với xăng dầu, không kinh doanh xăng dầu tại trụ sở, Chỉ hoạt động sau khi có quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (đối với khí dầu mỏ hóa lỏng, Chỉ hoạt động sau khi được được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy hoạch)</p> <p><i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền</i></p> | Không có |

66785
 NG TY
 PHẦN
 G NH
 4-1-8

| | | |
|-----|--|---|
| | <i>phân phối theo quy định pháp luật)</i> | |
| 11. | <p>Mã ngành: 4773</p> <p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh (đối với xăng dầu, không kinh doanh xăng dầu tại trụ sở, Chỉ hoạt động sau khi có quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (đối với khí dầu mỏ hóa lỏng, Chỉ hoạt động sau khi được được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy hoạch)</p> <p><i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i></p> | Không có |
| 12. | Không có | Mã ngành 4690: Bán buôn tổng hợp |
| 13. | Không có | Mã ngành 5510: Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự |
| 14. | Không có | Mã ngành 5590: Cơ sở lưu trú khác |
| 15. | Không có | Mã ngành 5610: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động |
| 16. | Không có | Mã ngành 8511: Giáo dục nhà trẻ |
| 17. | Không có | Mã ngành 8512: Giáo dục mẫu giáo |
| 18. | Không có | Mã ngành 8531: Đào tạo sơ cấp |
| 19. | Không có | Mã ngành 8532: Đào tạo trung cấp |
| 20. | Không có | Mã ngành 8551: Giáo dục thể thao và giải trí |
| 21. | Không có | Mã ngành 8552: Giáo dục văn hóa nghệ thuật |

| | | |
|-----|----------|--|
| 22. | Không có | Mã ngành 8620: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa |
| 23. | Không có | Mã ngành 9311: Hoạt động của các cơ sở thể thao |

6/ Ủy quyền Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện:

- Chọn một trong ba đơn vị: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C; Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Trên đây là các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị Công ty kính trình xin Đại hội cho ý kiến biểu quyết.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Trung Tuấn

